TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày 17/3/2022
V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Chí Công**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông **Nguyễn Như Quang**
2. Bà **Nguyễn Thị Mý**
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thắm**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Đình Hợp** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A**
Địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tấn Đ - chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng A – Chi nhánh huyện G (có mặt).
2. Bị đơn: Ông **Vũ Đình T** và bà **Vũ Thị T**
Địa chỉ: Làng Ngai N, xã H, huyện G, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho bị đơn vay 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 2221/2018/HĐTD ngày 02/8/2018 để chăm sóc cây cà phê và sửa chữa nhà ở với thời hạn 24 tháng, lãi suất 11%/năm, phân kỳ trả nợ: ngày 02/8/2019 trả 50.00.000đ, ngày 02/8/2020 trả 250.000.000đ.

Để đảm bảo khoản vay trên, giữa nguyên đơn và bị đơn lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1000718/HĐTC ngày 31/7/2018 để thế chấp:

+ Quyền sử dụng 1.679,2m^2 tại thửa đất số 650, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Xã H theo giấy CNQSD đất số CC 632174 do UBND huyện G cấp ngày 05/6/2015, được chỉnh lý sang tên ngày 26/01/2016.

+ Quyền sử dụng 4.475m^2 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 79, địa chỉ: Xã H theo giấy CNQSD đất số BC 042748 do UBND huyện G cấp ngày 23/7/2010.

+ Quyền sử dụng 688,8m^2 tại thửa đất số 371, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Xã H theo giấy CNQSD đất số CC 632618 do UBND huyện G cấp ngày 04/6/2015, được chỉnh lý sang tên ngày 28/01/2016.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng từ ngày 02/8/2018 đến ngày 02/5/2019 bị đơn chỉ mới trả được 24.772.602đ tiền lãi trong hạn. Ngày 02/8/2019 khoản vay của bị đơn bị Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn. Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn còn lại là 35.968.493đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/3/2022 là 88.132.062đ và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn trả xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi. Nếu bị đơn không trả nợ đầy đủ thì đề nghị Toà án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.Yêu cầu bị đơn phải trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả tiền gốc còn lại là 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 35.968.493đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/3/2022 là 88.132.062đ và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn trả xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi. Nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng A khởi kiện ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị T để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Toà án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy việc xét xử vắng mặt họ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 2221/2018/HĐTD ngày 02/8/2018 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến kỳ hạn trả lãi tiền vay và đến kỳ hạn trả nợ gốc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và trả lãi đầy đủ như đã thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên ngày 28/6/2021 Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 300.000.000đ của hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong các hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 300.000.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 35.968.493đ, lãi quá hạn là 88.132.062đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 424.101.095đ.

[4]. Về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1000718/HĐTC ngày 31/7/2018 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, các tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp và không có tranh chấp; tài sản trên thực tế về cơ bản phù hợp với các nội dung của hợp đồng thế chấp và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm

cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 4.000.000đ chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là 20.964.044đ.

Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A

2. Buộc ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng A tiền nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 35.968.493đ, lãi quá hạn là 88.132.062đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 424.101.095đ *(bốn trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/3/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Trong trường hợp ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 650, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Xã Htheo giấy CNQSD đất số CC 632174 do UBND huyện G cấp ngày 05/6/2015, được chỉnh lý sang tên ngày 26/01/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 79, địa chỉ: Xã H theo giấy CNQSD đất số BC 042748 do UBND huyện G cấp ngày 23/7/2010.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 371, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Xã Htheo giấy CNQSD đất số CC 632618 do UBND huyện G cấp ngày 04/6/2015, được chỉnh lý sang tên ngày 28/01/2016.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng A **4.000.000đ** *(bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị T phải liên đới chịu 20.164.044đ *(hai mươi triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Atoàn bộ số tiền đã tạm nộp là 9.574.932đ *(chín triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng)* theo biên lai thu số 0012122 ngày 15/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Chí Công